

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST

Ngày: 03 – 9 – 2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Thắng
2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A**

Địa chỉ trụ sở chính: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Nguyễn D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lý C, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh B, “theo các văn bản ủy quyền số 3974/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 và số 491/2020/GUQ-CNBL ngày 05/5/2020”, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Hồ T**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trương V**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền ông Lý C trình bày:

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2015, bà Hồ T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh B bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), hạn mức cấp thẻ tín dụng 15.000.000 đồng, với mục tích tiêu dùng cá nhân, thời hạn cấp thẻ tín dụng là 03 năm, lãi suất trong hạn 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thực hiện giao dịch với số tiền 20.621.850 đồng và đến ngày 31/10/2019 bà T đã thanh toán số tiền 29.226.162 đồng thì ngưng không thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 31/3/2020 Ngân hàng đã khóa thẻ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu với số tiền nợ gốc 9.460.343 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ gốc 9.460.343 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/9/2020 là 2.299.726 đồng; tổng cộng nợ gốc, lãi là 11.760.069 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 04/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ. Do bà T trực tiếp giao dịch và ký tên hợp đồng nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, còn ông Trương V là chồng của bà T không ký tên giao dịch với Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu ông V cùng bà T trả nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Hồ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương V từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bà T và ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà bà T và ông V nhưng không lấy lời khai được do không có ở nhà nên Tòa án không có lời khai của bà T và ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, buộc bà Hồ T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 9.460.343 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến 03/9/2020 là 2.299.726 đồng; tổng cộng nợ gốc, lãi là 11.760.069 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 04/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 14 tháng 5 năm 2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Hồ T thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng là tranh chấp về hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thẻ hiện địa chỉ của bà T tại ấp G, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Theo biên bản ngày 25/8/2020, Trưởng ấp G xác định bà T vẫn đăng ký thường trú tại ấp G, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, nhưng đang làm việc nơi khác và khi đi không báo chính quyền địa phương. Theo Điều 10 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A quy định về cập nhật thông tin như sau: “Chủ thẻ cam kết thông báo ngay lập tức cho đơn vị phát hành thẻ về bất kỳ thay đổi về thông tin của chủ thẻ bao gồm bất kỳ phương thức liên lạc nào mà đơn vị phát hành thẻ có thể liên lạc với chủ thẻ ngoại trừ tất cả những gì được ghi trong giấy đề nghị”. Do vậy, việc bà T thay đổi địa chỉ mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cũng như chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà T có địa chỉ ấp G, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T và ông V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà T và ông V vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05 tháng 6 năm 2015 giữa bà Hồ T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh B. Ngày 09 tháng 6 năm 2015 Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ cho bà T với hạn mức thẻ tín dụng 15.000.000 đồng, mức lãi suất 2.5%/tháng.

[3.1] Tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ”, và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”.

[3.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A quy định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: Chủ thẻ đồng ý đã nhận được thẻ khi thẻ đã có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác. Tại Điều 18 quy định về số tiền thanh toán như sau: Tất cả các giao

dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo; *Điều 19 quy định về số tiền thanh toán như sau:* Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ; *tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau:* Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự, các khoản phí và lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ; và *tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau:* Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.

[3.3] Đối chiếu theo các Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của bà T có số chứng minh nhân dân 385617366, số thẻ 356480-9743 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, thể hiện tính đến ngày 31/10/2019, số tiền bà T giao dịch là 20.621.850 đồng, với các khoản phí 3.671.936 đồng và lãi là 14.392.719 đồng, trừ số tiền 29.226.162 đồng bà T đã thanh toán thì số tiền gốc còn lại là 9.460.343 đồng. Do bà T ngưng không thanh toán tiền cho Ngân hàng từ ngày 31/11/2019 nên đến ngày 31/3/2020 Ngân hàng đã khóa thẻ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ chưa thanh toán với số tiền 9.460.343 đồng sang nợ quá hạn. Xét thấy, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc số tiền 9.460.343 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nợ lãi quá hạn:

[4.1] *Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau:* Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[4.2] *Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 22 về cách tính lãi như sau:* Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản; đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt thì lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút, việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Điều 20, đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ; *tại Điều 23 quy định về vi phạm:* Đơn vị phát hành thẻ chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ.

[4.3] Đối chiếu Bảng tóm tắt sao kê giao dịch của bà T, thể hiện tính đến ngày 31/10/2019 bà T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.226.162 đồng lần cuối và ngưng thanh toán cho Ngân hàng cho đến nay, nên ngày 31/3/2020 Ngân hàng đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà T và chuyển số nợ gốc 9.460.343 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/9/2020, số tiền lãi quá hạn mà bà T còn nợ Ngân hàng là 2.299.726 đồng. Xét thấy, việc Ngân hàng yêu cầu bà T trả lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật và những căn cứ đã viện dẫn nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Như vậy, tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 03/9/2020 là 11.760.069 đồng. Do hợp đồng chỉ thể hiện chữ ký, chữ viết bà T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chỉ yêu cầu bà T trả nợ nên buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03/9/2020 là 11.760.069 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng đã ký kết.

[6] Về án phí sơ thẩm dân sự bà T phải chịu 5% của số tiền 11.760.069 đồng do được Tòa án chấp nhận là 588.003 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005372 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[7] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Hồ T về tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Buộc bà Hồ T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh B nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2020 là 11.760.069 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 9.460.343 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng), nợ lãi 2.299.726 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hồ T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc số tiền 9.460.343 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh B nhận theo hợp đồng đã ký kết)

theo mức lãi suất được quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05 tháng 3 năm 2019 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì lãi suất mà bà Hồ T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ T phải chịu số tiền 588.003 đồng (Năm trăm tám mươi tám nghìn không trăm lẻ ba đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005372 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo